



CẬP NHẬT QUÝ

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG: HNX)

Giá mục tiêu: 23.000 Đồng

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**

Tăng giá: 20,4%

Ngày 27/1/2026



Nhu cầu từ Châu Âu và phân khúc cao cấp cải thiện triển vọng định giá

Chúng tôi khuyến nghị KHẢ QUAN đối với TNG với giá mục tiêu 12 tháng là 23.000 đồng/cổ phiếu, tương đương tiềm năng tăng giá 20,4%, nhờ nhu cầu ổn định từ thị trường Châu Âu, biên lợi nhuận phục hồi từ phân khúc cao cấp và sản xuất tự động hóa. Trong khi đó, mức định giá hiện vẫn thấp hơn trung bình lịch sử dù hoạt động kinh doanh đang có sự cải thiện rõ nét.

Luận điểm đầu tư

- Thị trường Châu Âu giúp hạn chế tác động từ thuế đối ứng của Mỹ: Nhu cầu tại châu Âu và việc mở thêm các thị trường mới giúp TNG có ưu thế so với các nhà OEM khác, đồng thời giảm rủi ro thuế quan từ Mỹ.
- Biên lợi nhuận cải thiện: Dịch chuyển sang các sản phẩm cao cấp và nâng cao năng suất giúp cải thiện biên gộp, đồng thời giảm chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp (SG&A) và hỗ trợ tốc độ tăng trưởng lợi nhuận nhanh hơn doanh thu.
- Định giá hấp dẫn: TNG hiện đang giao dịch P/E dự phóng 2026 ở mức khoảng 6x, thấp hơn mức trung bình lịch sử 5 năm là 8x, tạo dư địa tăng giá lại khi biên lợi nhuận cải thiện.

Điểm nhấn KQKD:

- KQKD năm 2025 vượt kỳ vọng: Doanh thu đạt 8,7 nghìn tỷ đồng (+12% svck); Lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 392 tỷ đồng (+24% svck), hoàn thành 115% kế hoạch năm. Tính riêng LNST Q4/2025 tăng 50% svck lên 112 tỷ đồng.
- Biên lợi nhuận mở rộng: Trong Q4/2025, biên lợi nhuận gộp cải thiện 30 điểm cơ bản lên 15,2%, chi phí SG&A giảm nhờ tự động hóa, và chi phí tài chính giảm.
- Diễn biến thuế quan: Việc chia sẻ chi phí thuế đối ứng giữa đơn vị OEM và khách hàng có thể kéo dài sang năm 2026, nhưng giá bán đơn hàng cao hơn có thể hỗ trợ biên lợi nhuận từ năm 2027.

Chúng tôi dự báo doanh thu và LNST năm 2026 lần lượt đạt 9,4 nghìn tỷ đồng (+8% svck) và 436 tỷ đồng (+11% svck), và tiếp tục tăng nhẹ trong năm 2027. Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá DCF kết hợp P/E mục tiêu ở mức 8x, đưa ra giá mục tiêu 12 tháng đối với TNG là 23.000 đồng/cổ phiếu. TNG hiện có mức cổ tức là 800 đồng/cổ phiếu (tỷ suất cổ tức là 4%).

Yếu tố hỗ trợ: Triển vọng mở rộng biên lợi nhuận, và nhu cầu tăng nhờ các sự kiện thể thao lớn trong năm 2026.

Rủi ro: Mức thuế trung chuyển cao hơn dự kiến và chi phí tài chính tăng cao.

Bảng 1: Các chỉ tiêu chính

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	7.096	7.736	8.699	9.387	9.818
Tăng trưởng doanh thu thuần (%)	5%	9%	12%	8%	5%
Biên lợi nhuận gộp (%)	14%	15%	15%	15%	15%
NPATMI	226	316	392	436	467
EPS (VND)	1.988	2.060	2.436	3.046	3.268
Tăng trưởng EPS (%)	-27%	4%	18%	25%	7%
Tỷ suất cổ tức (%)	4%	4%	4%	4%	4%
ROE	13%	17%	20%	20%	19%
Nợ/VCSH	1,42	1,43	1,66	1,52	1,38
P/E (x)	9,86	10,93	7,72	6,17	5,75
P/B (x)	1,29	1,46	1,21	1,06	0,93
EV/EBITDA (x)	6,07	5,66	6,84	4,60	4,32

Nguồn: TNG, SSI Research

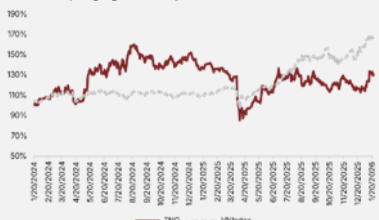
Đặng Trần Minh

Chuyên viên Phân tích

minhdt1@ssi.com.vn

Giá CP - VND (27/01/26)	19.100
Vốn hóa (USDmn):	92
SLCP lưu hành (triệu cp):	129
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	1,0
Giá cao/thấp 52T (k VND):	21,5/12,9
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	0,8
Tỷ lệ SHNN (%):	17,5
GTNN còn được mua (USDmn):	28,9
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	0,0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

CTCP Đầu tư và Thương mại (TNG) là doanh nghiệp sản xuất dệt may được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Thành lập năm 1979 và có trụ sở tại tỉnh Thái Nguyên, công ty chuyên sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng may mặc như áo khoác, áo sơ mi, quần dài và đồ thể thao. TNG hiện vận hành 15 nhà máy dệt và may, đồng thời có 3 công ty liên doanh và liên kết trong nhiều lĩnh vực bao gồm bất động sản. Sản phẩm của công ty được phân phối tới hơn 54 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

Cập nhật KQKD Q4/2025

Tỷ đồng	4Q25	4Q24	YoY	3Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							4Q25	4Q24	3Q25	2024
Doanh thu thuần	2.027	1.852	9,5%	2.633	-23,0%	107%				
Lợi nhuận gộp	309	276	12,0%	360	-14,2%		15,2%	14,9%	13,7%	15,2%
Lợi nhuận hoạt động	220	151	46,4%	219	0,6%		10,9%	8,1%	8,3%	7,9%
EBIT	202	145	38,8%	218	-7,3%		10,0%	7,9%	8,3%	7,8%
EBITDA	202	380	-47,0%	218	-7,3%		10,0%	20,5%	8,3%	10,9%
Lợi nhuận trước thuế	134	90	48,7%	146	-8,2%		6,6%	4,9%	5,6%	5,0%
Lợi nhuận ròng	112	75	49,8%	117	-4,7%	115%	5,5%	4,0%	4,4%	4,1%
Lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ	112	74	50,8%	117	-4,7%		5,5%	4,0%	4,4%	4,1%

Nguồn: SSI Research

Tỷ đồng	2025	2024	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận	
					2025	2024
Doanh thu thuần	8.699	7.736	12,4%	107%		
Lợi nhuận gộp	1,268	1,178	7,7%		14,6%	15,2%
Lợi nhuận hoạt động	749	620	20,9%		8,6%	8,0%
EBIT	726	605	20,0%		8,3%	7,8%
EBITDA	726	840	-13,6%		8,3%	10,9%
Lợi nhuận trước thuế	484	389	24,6%		5,6%	5,0%
Lợi nhuận ròng	392	316	24,2%	115%	4,5%	4,1%
Lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ	392	316	24,2%		4,5%	4,1%

Nguồn: SSI Research

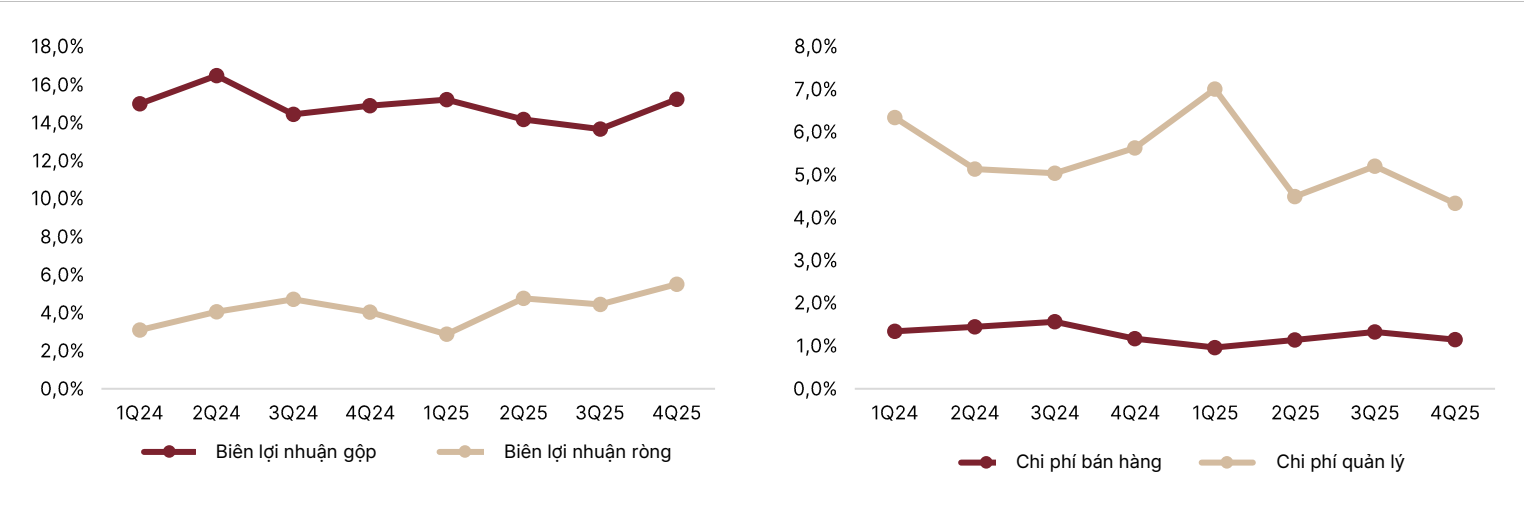
KQKD Q4/2025 tốt hơn kỳ vọng. TNG ghi nhận doanh thu đạt 2 nghìn tỷ đồng (+10% svck) và lợi nhuận ròng tăng lên 112 tỷ đồng (+50% svck). Kết quả tích cực này vượt kế hoạch cả năm của công ty, hoàn thành 115% kế hoạch lợi nhuận ròng năm 2025. Trong năm 2025, lợi nhuận ròng đạt 392 tỷ đồng (+24% svck), tăng trưởng nhanh hơn doanh thu (+12% svck lên 8,7 nghìn tỷ đồng), đánh dấu một năm tăng trưởng mạnh và vượt kỳ vọng 5%.

Biên lợi nhuận gộp cải thiện. Biên lợi nhuận gộp trong Q4/2025 tăng lên 15,2% từ 14,9% trong Q4/2024. Sự cải thiện này đến từ tăng sản phẩm cao cấp có biên lợi nhuận cao hơn. Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A) giảm đáng kể nhờ tăng cường tự động hóa và năng suất lao động cao hơn. Chi phí tài chính cũng giảm sau khi công ty điều chỉnh chính sách liên quan tới các khoản vay.

Nhu cầu từ thị trường Châu Âu vẫn ổn định, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng doanh thu (từ 34% tổng doanh thu trong năm 2024 lên khoảng 50% vào giữa năm 2025), đồng thời giảm rủi ro thuế quan từ Mỹ. Công ty cũng cho biết các đơn hàng xuất khẩu sang thị trường mới tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng.

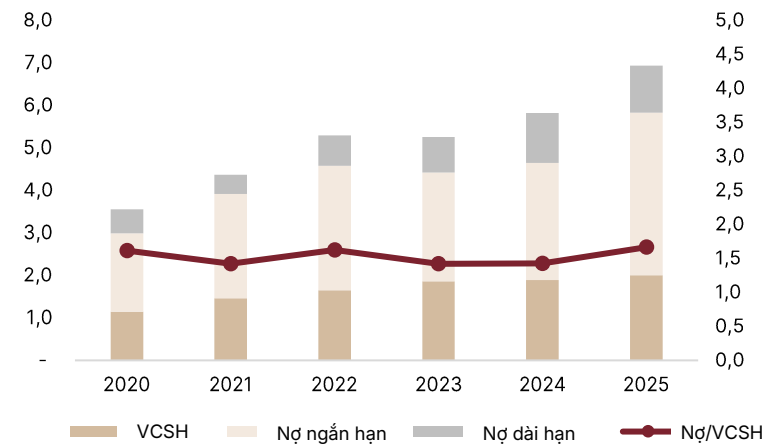
Biên lợi nhuận cải thiện

Nhờ kiểm soát chi phí tốt hơn



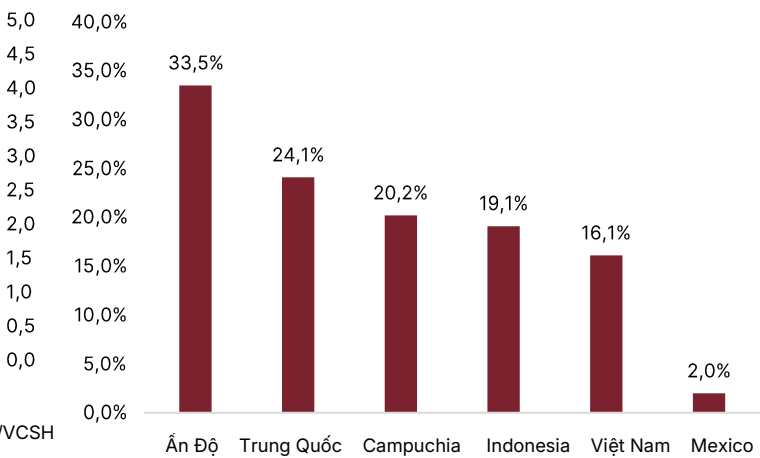
Nguồn: TNG

Chi phí vay tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận



Nguồn: TNG

Thuế suất bình quân của Mỹ (tính đến tháng 11/2025)



Nguồn: USTR

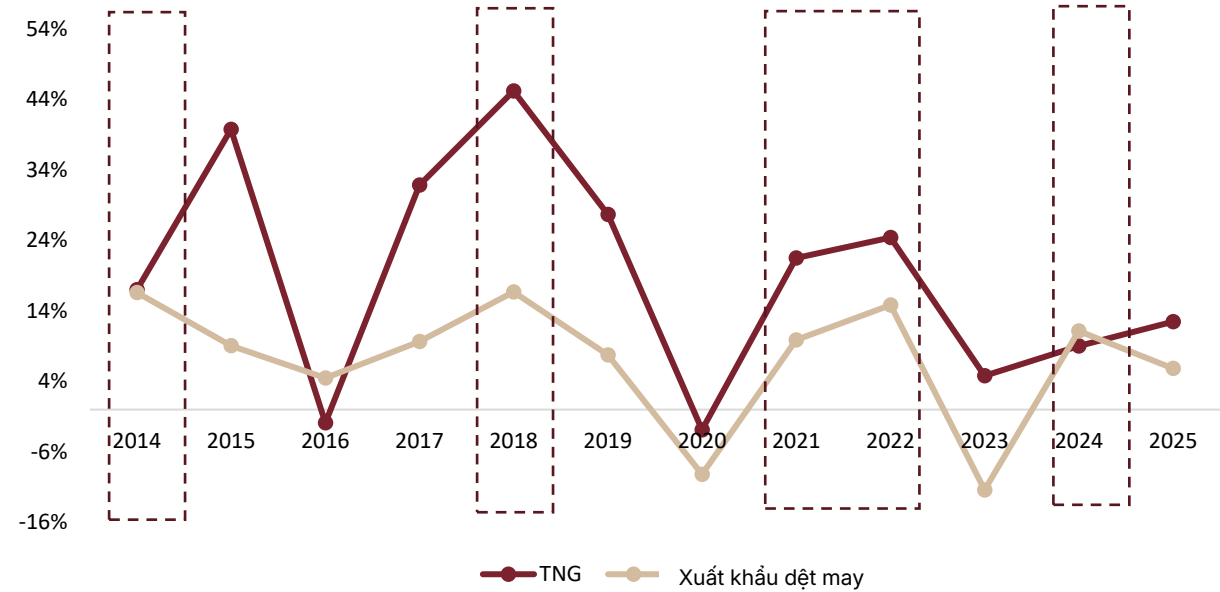
Cập nhật tình hình ngành may mặc

Về khách hàng của TNG, Columbia Sportswear (ước tính chiếm khoảng 10% doanh thu) ghi nhận tăng trưởng doanh thu hai chữ số tại thị trường châu Âu, nhưng sụt giảm tại thị trường Mỹ. Triển vọng doanh thu nửa đầu năm 2026 được kỳ vọng đi ngang hoặc tăng nhẹ ở mức một chữ số thấp. Các khách hàng khác của TNG (như Decathlon, Asmara, LT Apparel, Haddad) là các doanh nghiệp tư nhân có mức độ công bố thông tin hạn chế.

Phần lớn các công ty thời trang đều ghi nhận biên lợi nhuận gộp thu hẹp do tác động từ thuế quan, và dự báo ảnh hưởng này sẽ kéo dài đến năm 2026. Do đó, giai đoạn chia sẻ chi phí thuế đối ứng giữa đơn vị OEM và khách hàng có thể kéo dài hơn chúng tôi dự kiến. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng giá trị đơn hàng bình quân sẽ tăng lên để phản ánh đầy đủ chi phí thuế quan, góp phần hỗ trợ cho biên lợi nhuận từ năm 2027.

Các sự kiện thể thao lớn trong năm 2026 dự kiến sẽ thúc đẩy tăng trưởng nhu cầu. Những năm có nhiều sự kiện thể thao như 2014 và 2018 (có FIFA World Cup, Thế vận hội Mùa đông, Đại hội Thể thao Khối Thịnh vượng chung) đều ghi nhận mức tăng trưởng mạnh về nhu cầu đồ thể thao. Trong năm 2025, tăng trưởng doanh thu trong 2 quý gần đây của Nike đã chuyển sang dương, trong khi Adidas vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định. Điều này mang lại kỳ vọng cho quá trình phục hồi đơn hàng may mặc toàn ngành.

Biểu đồ: Xuất khẩu dệt may duy trì mức tăng trưởng 13-17% trong những năm có nhiều sự kiện thể thao. Năm 2021 là ngoại lệ do tác động của dịch Covid trong năm 2020.



Nguồn: SSI Research

Triển vọng và định giá

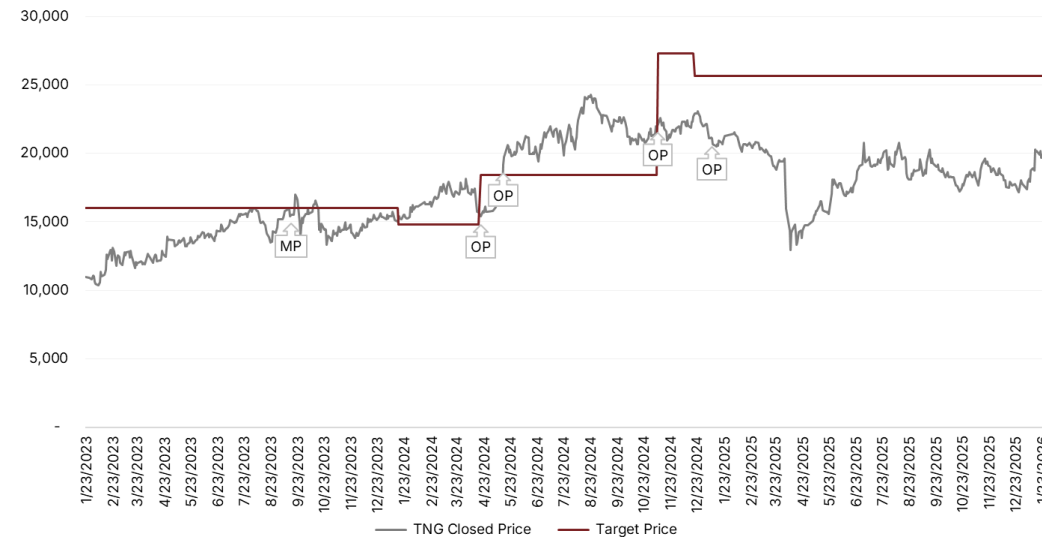
Mặc dù triển vọng tăng trưởng của ngành thời trang toàn cầu chỉ ở mức 3%, và chi phí thuế quan tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận của các doanh nghiệp trong nửa đầu năm 2026, chúng tôi lạc quan hơn về tăng trưởng của TNG so với các doanh nghiệp cùng ngành. Động lực chính đến từ tăng trưởng tại thị trường Châu Âu và khả năng mở rộng thị trường mới. Việc công ty đẩy mạnh đầu tư để đạt đơn hàng chất lượng cao hơn cũng tạo cơ hội tiếp cận nhiều thương hiệu cao cấp (vốn có độ ổn định tốt hơn trong giai đoạn khó khăn). Trong năm 2026, chúng tôi dự báo TNG đạt doanh thu thuần 9,4 nghìn tỷ đồng (+8% svck) và lợi nhuận sau thuế 436 tỷ đồng (+11% svck) với động lực tăng trưởng đến từ mở rộng biên lợi nhuận cùng việc kiểm soát chi phí, mặc dù chi phí lãi vay dự kiến tăng. Sang năm 2027, chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần đạt 9,8 nghìn tỷ đồng (+5% svck) và lợi nhuận sau thuế đạt 467 tỷ đồng (+7% svck), phản ánh tốc độ tăng trưởng chậm lại sau khi tăng trưởng mạnh trong năm 2026.

Dựa trên phương pháp định giá DCF và hệ số P/E mục tiêu 8x, chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 12 tháng là 23.000 đồng/cổ phiếu. Ở mức giá hiện tại là 19.100 đồng, TNG đang giao dịch P/E và P/B dự phóng năm 2026 lần lượt ở mức 6x và 1,1x, thấp hơn mức trung bình 5 năm lịch sử (P/E 8x, P/B 1,3x).

TNG hiện có mức cổ tức là 800 đồng/cổ phiếu (tương đương tỷ suất cổ tức là 4%). Với tiềm năng tăng giá là 20,4%, chúng tôi khuyến nghị KHẢ QUAN đối với TNG.

Rủi ro: Mức thuế trung chuyển cao hơn dự kiến và chi phí tài chính tăng cao.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2024	2025	2026F	2027F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương	445	317	589	899
+ Đầu tư ngắn hạn	260	467	467	467
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	740	1,030	1,041	1,138
+ Hàng tồn kho	1,074	1,446	1,468	1,505
+ Tài sản ngắn hạn khác	118	126	137	144
Tổng tài sản ngắn hạn	2,638	3,386	3,702	4,153
+ Các khoản phải thu dài hạn	11	11	12	13
+ GTCL Tài sản cố định	2,117	2,716	2,868	2,900
+ Bất động sản đầu tư	300	304	298	291
+ Tài sản dài hạn dở dang	459	174	174	174
+ Đầu tư dài hạn	140	140	141	141
+ Tài sản dài hạn khác	152	195	224	238
Tổng tài sản dài hạn	3,179	3,541	3,716	3,757
Tổng tài sản	5,817	6,927	7,418	7,910
+ Nợ ngắn hạn	2,751	3,818	3,856	3,944
Trong đó: vay ngắn hạn	1,607	2,371	2,354	2,394
+ Nợ dài hạn	1,173	1,107	1,271	1,358
Trong đó: vay dài hạn	1,093	956	1,131	1,218
Tổng nợ phải trả	3,924	4,925	5,127	5,302
+ Vốn góp	1,226	1,287	1,287	1,287
+ Thặng dư vốn cổ phần	41	41	41	41
+ Lợi nhuận chưa phân phối	222	270	537	831
+ Quỹ khác	403	403	425	448
Vốn chủ sở hữu	1,892	2,001	2,290	2,608
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	5,817	6,927	7,418	7,910
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	746	-259	618	587
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-494	-91	-401	-300
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-91	222	55	23
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	161	-128	272	310
Tiền đầu kỳ	283	445	317	589
Tiền cuối kỳ	445	317	589	899
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	0.96	0.89	0.96	1.05
Hệ số thanh toán nhanh	0.53	0.48	0.54	0.63
Hệ số thanh toán tiền mặt	0.26	0.21	0.27	0.35
Nợ ròng / EBITDA	2.74	3.63	2.74	2.44
Khả năng thanh toán lãi vay	2.80	3.00	2.95	3.02
Ngày phải thu	32.8	35.8	39.3	39.5
Ngày phải trả	34.9	40.3	41.0	41.7
Ngày tồn kho	54.6	61.9	66.5	64.8
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0.33	0.29	0.31	0.33
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.67	0.71	0.69	0.67
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	2.07	2.46	2.24	2.03
Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.43	1.66	1.52	1.38
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0.85	1.18	1.03	0.92

Nguồn: TNG, SSI Research

Tỷ đồng	2024	2025	2026F	2027F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	7,736	8,699	9,387	9,818
Giá vốn hàng bán	-6,559	-7,430	-8,002	-8,371
Lợi nhuận gộp	1,178	1,268	1,385	1,447
Doanh thu hoạt động tài chính	128	117	142	161
Chi phí tài chính	-373	-322	-365	-379
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-108	-102	-113	-118
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-421	-454	-490	-513
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	404	507	559	599
Thu nhập khác	-15	-23	-14	-15
Lợi nhuận trước thuế	389	484	545	584
Lợi nhuận ròng	316	392	436	467
Lợi nhuận chia cho cổ đông	316	392	436	467
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	2,060	2,436	3,046	3,268
Giá trị sổ sách (VND)	15,436	15,546	17,792	20,260
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	800	800	800	800
EBIT	605	726	823	873
EBITDA	840	726	1,078	1,148
Tăng trưởng				
Doanh thu	9.0%	12.4%	7.9%	4.6%
EBITDA	11.7%	-13.6%	48.6%	6.4%
EBIT	14.0%	20.0%	13.5%	6.0%
Lợi nhuận ròng	39.9%	24.1%	11.1%	7.3%
Vốn chủ sở hữu	1.7%	5.8%	14.4%	13.9%
Vốn điều lệ	8.0%	5.0%	0.0%	0.0%
Tổng tài sản	10.8%	19.1%	7.1%	6.6%
Định giá				
P/E	10.9	7.7	6.2	5.8
P/B	1.5	1.2	1.1	1.0
Giá/Doanh thu	0.3	0.3	0.3	0.2
Tỷ suất cổ tức	3.6%	4.3%	4.3%	4.3%
EV/EBITDA	5.7	6.8	4.6	4.3
EV/Doanh thu	0.6	0.6	0.5	0.5
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15.2%	14.6%	14.8%	14.7%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	7.9%	8.6%	8.8%	8.7%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	4.1%	4.5%	4.6%	4.8%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	1.4%	1.2%	1.2%	1.2%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	5.4%	5.2%	5.2%	5.2%
ROE	16.8%	20.1%	20.3%	19.1%
ROA	5.7%	6.2%	6.1%	6.1%
ROIC	10.8%	11.8%	11.9%	11.6%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành May mặc

Đặng Trần Minh

Chuyên viên Phân tích Cổ phiếu

minhdt1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321